TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 26-5-2020

V/v: *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Đông Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đích và bà Vũ Thị Lệ Thủy.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lành - Thư ký TAND quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Hải Nam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 88/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020, về việc: "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/3/2020; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lã Thị N**, sinh năm 1984; địa chỉ: Lô 10 Khu B2.74 Đồng N, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng.

- *Bị đơn:* Ông **Đặng Công C**, sinh năm 1979; địa chỉ: K142/4 Nguyễn Duy H, tổ 38, phường A, quận S, TP. Đà Nẵng.

Tất cả các đương sự đều có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 03/3/2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Lã Thị N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Đặng Công C xây dựng gia đình với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND phường A. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, chúng tôi chung sống tại K142/4 Nguyễn Duy H, tổ 38, phường A, quận S, TP. Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, khác nhau về quan điểm sống nên vợ chồng thường hay cải vã nhau. Cụ thể là chồng tôi không có trách nhiệm với gia đình, gây nợ nần bên ngoài và chủ nợ đến gây gỗ làm ảnh hưởng đến cuộc sống sinh hoạt của bố mẹ tôi và các con, nên đã một lần chúng tôi làm đơn đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của chúng tôi nhưng sau đó chồng tôi hứa hẹn sẽ sửa đổi bản thân và cũng vì nghĩ đến các con nên tôi đã rút lại đơn. Từ tháng 5/2018, do bất mãn với cuộc sống vợ chồng thêm vào đó tôi lại mất số tiền lớn 180.000.000 đồng tại nhà chồng, nên tôi cùng các con đã về nhà cha mẹ tôi ở 114 Nguyễn Văn T, quận S để ở và từ thời gian đó đến nay chúng tôi đã sống ly thân nhau. Thời gian chúng tôi ly thân nhau thì tôi phát hiện chồng tôi sử dụng ma túy đá 03 lần trong tháng 9/2019. Do mất lòng tin ở chồng, nay lại chứng kiến cảnh chồng lâm vào con đường hút má túy nên tôi chán nản dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn chồng là ông Đặng Công C. Trong quá trình Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa tôi và ông C thì vào khoảng 19 giờ ngày 29/4/2020, trong lúc tôi đi tập thể dục về lại nhà riêng của mình tại địa chỉ: Lô 10 Khu B2.74 Đồng N, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng thì chồng tôi đến đón cháu nhỏ, mục đích uy hiếp tôi để tôi đến Tòa rút đơn ly hôn, nhưng tôi không đồng ý. Lời qua, tiếng lại thì ông C đã dùng tay đánh vào mặt của tôi, thấy thái độ của chồng quá hung dữ nên tôi phải bỏ chạy, trốn vào nhà hàng xóm. Sau khi ông C chở con về nhà cha mẹ ông C thì liên tục nhắn tin hăm dọa, đòi giết tôi. Sự việc này xảy ra tôi đã làm đơn trình báo Công an phường H, nơi tôi đang cư trú.

- Về con chung: Tôi xác định giữa tôi và ông C có 02 con chung tên Đặng Thanh N, sinh ngày 30/12/2009 và Đặng Công T, sinh ngày 28/12/2015. Ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con, vì từ khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, các con đều ở với mẹ và

các con đều mong muốn ở với mẹ. Tôi có công việc ổn định tại Trung tâm y tế quận H. Ngoài thu nhập tiền lương hàng tháng ra tôi còn làm thêm về lĩnh vực bất động sản nên tôi có đủ điều kiện về kinh tế và thời gian chăm sóc hai con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi xác định giữa tôi và ông C không có.

** Tại bản tự khai ngày 05/3/2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Đặng Công C trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi thống nhất như lời trình bày của vợ tôi về thời gian và điều kiện kết hôn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do tôi là tài xế lái taxi nên đi làm liên tục, không có thời gian quan tâm đến vợ con và tôi đã nghe lời bạn bè sử dụng chất kích thích 03 lần và thấy nó không tốt nên tôi đã bỏ và tôi cũng thừa nhận có sự việc xảy ra vào tối ngày 29/4/2020, tôi có đánh vào mặt vợ là do bức xúc vì bà N đã tự ý đem đồ của tôi cho người khác mà chưa được sự đồng ý của tôi, mặc khác bà N ngăn cản không cho tôi đón con. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra không có gì đáng kể nên tôi không đồng ý ly hôn và tôi hứa sẽ sửa đổi bản thân, mong muốn vợ quay về đoàn tụ và nuôi hai con cho tốt.

- Về con chung: Tôi xác định giữa tôi và bà N có 02 con chung tên Đặng Thanh N, sinh ngày 30/12/2009 và Đặng Công T, sinh ngày 28/12/2015. Trong trường hợp vợ vẫn cương quyết xin ly hôn thì tôi có nguyện vọng được nuôi con chung Đặng Công T, sinh ngày 28/12/2015, giao cho vợ trực tiếp nuôi dưỡng con C Đặng Thanh N, sinh ngày 30/12/2009. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Tôi xác định không có.

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư lý, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Theo đó việc thụ lý vụ án, tổ chức hòa giải, thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng và việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu của Thẩm phán

được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đều thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định của BLTTDS. Nguyên đơn và bị đơn đều chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Xét thấy quan hệ hôn nhân của bà N và ông C đã thật sự trầm trọng nên cần áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho bà N được ly hôn ông C.

Về con chung: Giao cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Đặng Thanh N, sinh ngày 30/12/2009 và Đặng Công T, sinh ngày 28/12/2015 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông C không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa bà Lã Thị N và ông Đặng Công C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Bà Lã Thị N và ông Đặng Công C xây dựng gia đình với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND phường A. Hôn nhân tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà N là do tính tình không hợp, khác nhau về quan điểm sống nên vợ chồng thường hay cải vã nhau. Cụ thể là ông C không có trách nhiệm với gia đình, gây nợ nần bên ngoài và chủ nợ đến gây gỗ làm ảnh hưởng đến cuộc sống sinh hoạt của bố mẹ bà và các con, nên đã một lần ông, bà làm đơn đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn nhưng sau đó ông C hứa hẹn sẽ sửa đổi bản thân và cũng vì nghĩ đến các con

nên bà đã rút lại đơn. Từ tháng 5/2018, do bất mãn với cuộc sống vợ chồng thêm vào đó bà lại mất số tiền lớn 180.000.000 đồng tại nhà chồng, nên bà cùng các con đã về nhà cha mẹ bà ở 114 Nguyễn Văn T, quận S để ở và từ thời gian đó đến nay bà và ông C đã sống ly thân nhau. Thời gian ông, bà ly thân nhau thì bà phát hiện ông C sử dụng ma túy đá 03 lần trong tháng 9/2019. Do mất lòng tin ở chồng, nay lại chứng kiến cảnh chồng lâm vào con đường hút má túy nên bà chán nản dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn chồng là ông Đặng Công C. Trong quá trình Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa bà và ông C thì vào khoảng 19 giờ ngày 29/4/2020, trong lúc bà đi tập thể dục về lại nhà riêng của mình tại địa chỉ: Lô 10 Khu B2.74 Đồng N, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng thì chồng bà đến đón cháu nhỏ, mục đích uy hiếp bà để bà đến Tòa rút đơn ly hôn, nhưng bà không đồng ý. Lời qua, tiếng lại thì ông C đã dùng tay đánh vào mặt của bà, thấy thái độ của chồng quá hung dữ nên bà phải bỏ chạy, trốn vào nhà hàng xóm. Sau khi ông C chở con về nhà cha mẹ ông C thì liên tục nhắn tin hăm dọa, đòi giết bà. Sự việc này xảy ra bà đã làm đơn trình báo Công an phường H, nơi bà đang cư trú.

Còn ông C cho rằng, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do ông là tài xế lái taxi nên đi làm liên tục, không có thời gian quan tâm đến vợ con và ông đã nghe lời bạn bè sử dụng chất kích thích 03 lần và thấy nó không tốt nên ông đã bỏ. Đồng thời ông cũng thừa nhận việc ông có đánh vào mặt bà N vào tối ngày 29/4/2020 là do bức xúc vì bà N đã tự ý đem đồ của ông cho người khác mà chưa được sự đồng ý của ông, mặc khác bà N ngăn cản không cho ông đón con. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra không có gì đáng kể nên ông không đồng ý ly hôn và ông hứa sẽ sửa đổi bản thân, mong muốn vợ quay về đoàn tụ và nuôi hai con cho tốt.

HĐXX xét yêu cầu đoàn tụ của ông C thì thấy: Do tính chất công việc dẫn đến thời gian quan tâm, chăm sóc gia đình, vợ con bị hạn chế. Lẽ ra, khi có thời gian rảnh rỗi, ông C phải biết chia sẽ gánh nặng gia đình cùng với vợ con, thế nhưng ông C không làm được điều này mà ngược lại nghe lời rủ rê của bạn bè đã sử dụng chất kích thích là ma túy đá 03 lần trong tháng 9/2019, dẫn đến việc cải vã của vợ chồng thường xuyên hơn và tình cảm vợ chồng đã rơi vào bế tắc nên bà N

cùng 02 con về nhà riêng của bà N tại địa chỉ: Lô 10 Khu B2.74 Đồng N, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng để sinh sống. Qua xác minh tại địa phương ngày 04/3/2020 thể hiện mâu thuẫn vợ chồng xảy ra là có thật nên vào tháng 5/2018, bà N đã dẫn 02 con đi khỏi địa phương. Tại phiên tòa hôm nay, ông C xác nhận có ham chơi cá độ bóng đá và gây nợ nần bên ngoài nhưng ông không yêu cầu vợ trả nợ thay cho mình. Mặc khác ông cũng thừa nhận có dùng vũ lực đánh vào mặt bà N trong thời gian Tòa án đang giải quyết vụ án của ông và bà N. Do mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được đoàn tụ của ông C không được chấp nhận mà nên căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông C là phù hợp.

Về con chung: Bà N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Đặng Thanh N và Đặng Công T cho đến khi các con đủ 18 tuổi, không yêu ông C cấp dưỡng nuôi con chung. Về phía ông C trình bày trong trường hợp phải ly hôn thì ông có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung Đặng Công T, giao cho vợ trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đặng Thanh N. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, bà N và ông C đều có thu nhập ổn định, ai cũng có điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc các con. Vì vậy, khi quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, nếu con từ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Tuy nhiên, theo biên bản xác minh tại địa phương ngày 03/4/2020 thì hai con đều sống chung cùng bà N từ trước đến nay và hai con đều gắn bó, gần gũi với nhau. Mặt khác, theo lời khai của ông C tại phiên tòa thì từ khi ông đưa cháu Đặng Công T về ở cùng với ông thì cháu T luôn khóc đòi mẹ và chị. Đồng thời, việc ông C đã từng sử dụng trái phép chất ma túy thì việc giao con chung cho ông C nuôi dưỡng sẽ không được đảm bảo về sự phát triển bình thường của con. Vì vậy, xét thấy không nên tách rời hai con mà cần phải giao hai con chung Đặng Thanh N, sinh ngày 30/12/2009 và Đặng Công T, sinh ngày 28/12/2015 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi là

phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Bà N không yêu cầu cấp dưỡng nên không xét đến.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà N xác định giữa bà và ông C không có nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3]. Về án phí: Bà N phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ - ST theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 51; Điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ban hành ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*" của bà Lã Thị N đối với ông Đặng Công C.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Là Thị N được ly hôn ông Đặng Công C.

Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lã Thị N đối với ông Đặng Công C nên giấy chứng nhận kết hôn số 53; quyển số 01 do UBND phường A cấp ngày 10/4/2008 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Đặng Thanh N, sinh ngày 30/12/2009 và Đặng Công T, sinh ngày 28/12/2015 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông C không cấp dưỡng nuôi con chung do bà N không yêu cầu.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không đề cập giải quyết.

4. Án phí HNGĐ-ST 300.000đ bà Lã Thị N phải chịu nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 8445 ngày 04/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng. Bà N đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Đương sự;
- Viện KSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Đông Thanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**